

Số: 3535 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 24 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ hộ kinh doanh phải tạm ngừng hoạt động do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Biên Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Kế hoạch số 8015/KH-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của UBND thành phố Biên Hòa tại Tờ trình số 17929/TTr-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2021; ý kiến của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 617/TTr-LĐTBXH ngày 22 tháng 9 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ hộ kinh doanh phải tạm ngừng hoạt động do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Biên Hòa gồm 418 hộ kinh doanh với tổng kinh phí hỗ trợ là 1.254.000.000 đồng (một tỷ, hai trăm năm mươi bốn triệu đồng chẵn).

(Danh sách đính kèm theo Quyết định).

Nguồn kinh phí hỗ trợ hộ kinh doanh được sử dụng từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 68/NQ-CP và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao UBND thành phố Biên Hòa chỉ đạo các đơn vị liên quan khẩn trương chi trả kịp thời, đúng đối tượng; kiểm tra, rà soát đảm bảo việc chi trả đúng đối tượng, minh bạch, công khai, chống trùng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa và các hộ kinh doanh tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng





**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

**DANH SÁCH HỒ TRỢ HỘ KINH DOANH (CÓ ĐĂNG KÝ KINH DOANH, CÓ ĐĂNG KÝ THUẾ, CÓ NỢ THUẾ)
BỊ TẠM NGỪNG HOẠT ĐỘNG ĐỂ PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID - 19 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
(Kèm theo Quyết định số 3535/QĐ-UBND ngày 24 / 9 /2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)**

DVT: đồng

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/ CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức dề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(9)	(10)	(11)	
	I. Phường An Bình								
1	Nguyễn Đức Thành	3600784513	47A8012806	272286946	11/8B tổ 8 KP 5	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
2	Phạm Thị Nhân	3602565450	47A8030330	271891449	98/3c KP 3	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
3	Dương Văn Nghĩa	3603635982	47A8062337	205197558	96 KP 11	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
4	Huỳnh Anh Tuấn	3603753288	47A8069149	077073001285	94/2bis KP 1	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
5	Nguyễn Thị Dung	3601636236	47A8022893	271237937	98/3 KP 12	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
6	Phạm Quang Hiệp	3603175968	47A8041448	272418822	62K KP 12	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
7	Vũ Thị Bình	8084712982	47A8068020	271949503	1A 12 KDC AB	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
8	Nguyễn Ngọc Cường	3600900953	47A8017957	023167699	104-106 KP 12	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
9	Nguyễn Ngọc Trà My	8047954422	47A8062964	271637285	21A6 KP 1	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/ CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
10	Mai Thị My	8102108399	47A8066991	271489138	62/3D KP2	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
11	Lê Thanh Nam	8114236268	47A8054895	272083201	243 tổ 10 KP 12	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
12	Lê Văn Nhân	3603780877	47A8020799	272470404	A24/8c KP 5	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
13	Nguyễn Văn Toàn	8010240693	47A8072081	271414402	91/4A KP 12	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
14	Trần Ngọc Phương Anh	3603731774	47A8067801	272495039	10A18 KDC AB KP1	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
15	Nguyễn Ngọc Soan	3600862602	47A8047258	271290487	11A1 KDC AB KP 1	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
16	Lê Thị Long Châu	3603057876	47A8038134	272610569	80/5Bổ 6 KP 12	01/5/2021- 31/8/2021	3.000.000		
17	Nguyễn Thị Kim Anh	3603061167	47A8037169	271919940	20A4 KP 1	01/5/2021- 31/8/2021	3.000.000		
18	Nguyễn Văn Duy	8125478131	47A8068685	271497018	36G tổ 4B KP 12	01/5/2021- 31/8/2021	3.000.000		
19	Ngô Ngọc Minh	3601474419	47A8015448	272358964	350 tổ 4 KP11	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
20	Trần Thị Bích Ngọc	3601791231	47A8024947	172125142	19/C2, tổ 10, Kp 11	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
21	Phạm Thu Hương	3600465316	47A8022159	270034395	33/1 KP 4	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
22	Trần Duy Minh Phụng	8031847577	47A8031381	271241783	324 tổ 5 KP 12	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
23	Nguyễn Thị Bích	3603720927	47A8067071	276100488	58Đ tổ 9 KP 12	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
	2. Phường Thanh Bình								
24	Phạm Thị Thủy	3602517023	47A8031854	271981846	Kios B3.1 TTMM	09/7/2021- 11/9/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/ CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
25	Trần Thị Ngọc Yến	3603594609	47A8060474	271760030	Kios B2.1 TTTM	09/7/2021- 11/9/2021	3.000.000		
26	Lê Bích Huyền	3603687356	47A8065446	271303527	Sạp C7, Chợ Biên Hòa	10/7/2021- 11/9/2021	3.000.000		
27	Nguyễn Thị Thoan	3603412182	47A8051044	272455305	90/2, Hưng Đạo Vương, Kp3	10/7/2021- 13/9/2021	3.000.000		
28	Nguyễn Thị Quà	3602992903	47A8027735	270689247	Sạp A25, Chợ Biên Hòa	10/7/2021- 13/9/2021	3.000.000		
29	Phạm Minh Trí	8020206331	47A8059887	271484279	Số 12, Trần Minh Trí	23/6/2021- 13/9/2021	3.000.000		
30	Phan Thị Hoàng	3600393774	47A8025763	270948652	Sạp A73 Chợ Biên Hòa	10/7/2021- 13/9/2021	3.000.000		
31	Hoàng Thị Hồng Xuân	3600344110	4707002436	272095559	Số 02 Nguyễn Thị Hiền, Kp1	15/7/2021- 13/9/2021	3.000.000		
32	Phạm Thị Bạch Tuyết	3601000338	47A8021623	270018330	Kios A1 4- Tầm Biên Hòa	10/7/2021- 13/9/2021	3.000.000		
33	Nguyễn Thị Kim Linh	3600296805	47A8034834	270771924	Sạp A5 Chợ Biên Hòa	10/7/2021- 14/9/2021	3.000.000		
34	Tăng Thái Thuận	3603468322	47A8054046	271724534	Sạp B18, Chợ Biên Hòa	10/7/2021- 13/9/2021	3.000.000		
35	Liều Mỹ Yên	3603168738	47A8027694	271789454	Sạp B19 Chợ Biên Hòa	10/7/2021- 13/9/2021	3.000.000		
36	Huỳnh Ái Linh	3601059691	47A8022695	271844562	51 Lê Thành Tôn	10/7/2021- 13/9/2021	3.000.000		
37	Nguyễn Thị Tâm	3600780036	47A8015696	270083045	Sạp B46 Chợ Biên Hòa	11/7/2021- 13/9/2021	3.000.000		
38	Trần Tuyết Nga	3600857698	47A8009235	270772713	Tầm Biên Hòa	10/7/2021- 14/9/2021	3.000.000		
39	Nguyễn Văn Phước	3603303377	47A8046859	271364568	43 CMT8	09/7/2021- 14/9/2021	3.000.000		
40	Nguyễn Thị Hương	3600283235	47A8011214	272144477	Sạp L20 Chợ Biên Hòa	20/6/2021- 14/9/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/ CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
41	Nguyễn Thanh Hùng	3600779270	47A8012813	272544817	Kios A4.13 Tm Biên Hòa	08/9/2021- 14/9/2021	3.000.000		
42	Trần Mỹ Hương	3600281767	47A8046519	092154007428	Kios A37 Tm Biên Hòa	10/7/2021- 13/9/2021	3.000.000		
43	Vũ Thị Hương	3600463090	47A8001706	2711489428	Kios A4.14, Tm Biên Hòa	10/7/2021- 13/9/2021	3.000.000		
44	Đỗ Thị Thanh Thúy	3600393950	47A8000259	270782250	Sạp A40, Chợ Biên Hòa	09/7/2021- 14/9/2021	3.000.000		
45	Đinh Hoàng Đạo	3600273477	47A8006715	079066019619	28 Phan Đình Phùng	01/7/2021- 14/9/2021	3.000.000		
46	Ao Lê Oanh	3603064344	47A8038463	272566498	Kios A1.5 TTTM	10/7/2021- 14/9/2021	3.000.000		
47	Phạm Thị Thủy Hằng	3602318483	47A8028310	270709609	9 Nguyễn Hiền Vương, Kp1	10/7/2021- 14/9/2021	3.000.000		
48	Nguyễn Thị Nam Phương	3601411271	47A8009427	270079604	C1-C2 Lầu 1 Chợ Biên Hòa	1/7/2021- 14/9/2021	3.000.000		
49	Vũ Đình Dân	8148036330	47A8061579	271691505	Kios A4.10-A3.9, TTTM	10/7/2021- 14/7/2021	3.000.000		
50	Trịnh Thị Thu Hà	3600498713	47A8013517	270710876	Chợ Biên Hòa	10/7/2021- 14/9/2021	3.000.000		
51	Nguyễn Kim Hồng	3600523952	47A8004348	271116089	Sạp C3 Chợ Biên Hòa	10/7/2021- 14/9/2021	3.000.000		
52	Võ Thị Như Ý	3603156852	47A8046043	051154000483	Kios A4.8 Nguyễn Văn Trị	10/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
53	Trần Ngọc Châu	3600273981	47A8004006	270948997	24 Nguyễn Thị Giang, Kp 1	9/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
54	Phan Tiến Hùng	3600318907	4707000183	270772281	114a Phan Đình Phùng, Kp 2	10/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
55	Phạm Thị Tuyết	3600339103	47A8050252	270609928	77, Nguyễn Hiền Vương, Kp1	15/6/2021- 15/9/2021	3.000.000		
56	Nguyễn Trần Quang Trung	3600279486	47A8025481	271320200	Kios Số 9, Tttm, Chợ Biên Hòa	09/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/ CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
57	Phạm Thị Tuyết Hương	3600283059	47A8024485	270068713	13 Nguyễn Trãi, Kp1	09/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
58	Cao Thị Hoa	3600297319	47A8000220	270067248	Nguyễn Hiền Vương, Kp1	5/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
	3. Phường Trưng Dài								
59	Nguyễn Hồ Đức Hải	3603676322	47A8064888	272943953	44/7/50, tổ 13, kp 5A	09/7/2021 - nay	3.000.000		
60	Lương Thị Thanh	8407733767	47A8063227	272498299	16A, Nguyễn Khuyến, tổ 28, kp 5A	15/7/2021 - nay	3.000.000		
61	Vũ Văn Thêm	8521405320	47A8059494	272698308	79, tổ 34, kp 5	08/7/2021 - nay	3.000.000		
62	Lê Thị Hương	3603456084	47A8053220	272135460	tổ 34A, kp 5	01/5/2021 - nay	3.000.000		
63	Đặng Thị Thu Hà	8441359439	47A8063400	276084183	tổ 19, kp 4	01/5/2021 - nay	3.000.000		
64	Trần Thị Minh Hoa	8101291335	47A8067065	272004267	hẻm 439, Tổ 40, KP3	15/7/2021 - nay	3.000.000		
65	Nhỏ Quang Hùng	3602983070	47A8036287	141659858	10, tổ 11, kp 2	11/7/2021 - nay	3.000.000		
66	Vương Văn Tuấn	3603683432	47A8065234	125864043	34, tổ 5, kp 4B	28/6/2021 - nay	3.000.000		
67	Lê Minh Long	3603220811	47A8043423	272477227	9/9C, kp 3	09/7/2021 - nay	3.000.000		
68	Nguyễn Trọng Tân	8482269336	47A8062224	272763011	16, tổ 8, kp 4A	09/6/2021 - nay	3.000.000		
69	Nguyễn Văn Căn	8038808947	47A8030455	272666088	tổ 1, kp 4	16/7/2021 - nay	3.000.000		
70	Trần Thị Bích	8240346937	47A8055744	272437816	tổ 2, kp 4B	09/7/2021 - nay	3.000.000		
71	Nguyễn Thị Phương Thảo	8325926623	47A8068600	272061713	948, Nguyễn Ái Quốc, kp 1	16/7/2021 - nay	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/ CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
72	Vương Thị Hòa	8038805495	47A8053636	271641234	tổ 11, kp 4B	16/7/2021 - nay	3.000.000		
73	Lê Thị Hương	8130637154	47A8071130	091583783	61, tổ 13, kp 4B	16/7/2021 - nay	3.000.000		
74	Nguyễn Duy Mạnh	8283250972	47A8053711	272379616	tổ 8, kp 4	16/7/2021 - nay	3.000.000		
75	Lý Thị Thu Huyền	8482215563	47A8066916	090823419	tổ 12, kp 4B	16/7/2021 - nay	3.000.000		
76	Lê Thị Luyến	8028277817	47A8046542	125044658	tổ 32, kp 4B	09/7/2021 - nay	3.000.000		
77	Nguyễn Thị Yên	8127624229	47A8051547	272991822	tổ 12, kp 4B	16/7/2021 - nay	3.000.000		
78	Lâm Thị Kim Ngân	8110354542	47A8048760	271521247	3/18B, kp 4B	03/5/2021 - nay	3.000.000		
79	Phạm Văn Châu	3603055371	47A8037173	271554533	61/12, kp 2	01/6/2021 - nay	3.000.000		
80	Ngô Thị Nhung	3603372726	47A8049160	272487442	tổ 9, kp 5	16/7/2021 - nay	3.000.000		
81	Trần Thị Thùy Linh	3601971266	47A8067463	272098134	tổ 15B, kp 4	15/7/2021 - nay	3.000.000		
82	Đỗ Văn Anh	3603232895	47A8043986	172649266	tổ 13, kp 5A	15/7/2021 - nay	3.000.000		
83	Lương Thị Hạnh	8038844039	47A8050817	271744448	tổ 10, kp 4	15/7/2021 - nay	3.000.000		
84	Phạm Văn Bón	8276064580	47A8050552	034081007714	tổ 10, kp 4	16/7/2021 - nay	3.000.000		
85	Nguyễn Thị Phương Thủy	8307549845	47A8057016	212738117	31, hẻm 1, tổ 51, kp 4C	16/7/2021 - nay	3.000.000		
86	Huỳnh Tấn Dũng	3603015499	47A8037641	272715629	tổ 5, kp 3	03/5/2021 - nay	3.000.000		
87	Nguyễn Thị Minh Thắm	8075603144	47A8060756	271881796	379, tổ 9, kp 4B	29/6/2021 - nay	3.000.000		

STT	Tên Hệ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/ CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
88	Bùi Thị Hồng	3603513039	47A8056888	272682924	tổ 24, kp 4B	14/7/2021 - nay	3.000.000		
89	Phạm Tuấn Đông	8240324997	47A8045222	276037447	tổ 11, kp 5	16/7/2021 - nay	3.000.000		
90	Nguyễn Tuấn Anh	8129360814	47A8035780	272487809	282, tổ 9, kp 2	16/7/2021 - nay	3.000.000		
91	Nguyễn Thị Nga	3600907469	47A8010293	271348996	64/23, tổ 12, kp 3	09/7/2021 - nay	3.000.000		
92	Lê Văn Đạt	3603373705	47A8049196	272169066	tổ 2, kp 5	09/7/2021 - nay	3.000.000		
93	Lê Thương Bằng	8339361973	47A8068170	215281497	tổ 2, kp 5	16/7/2021 - nay	3.000.000		
	4. Phương Phước Tân								
94	Lưu Anh Phương	3603488022	47A8055389	174668447	Tổ 12, KP Hương Phước	10/07/2021 - 12/09/2021	3.000.000		
95	Đỗ Trọng Hiếu	3600783421	47A8028100	271607453	5/8/ TỎ 9, KP. MIẾU	11/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
96	Phan Tấn Tài	3600235626	47H8005299	270990581	11, TỎ 4, KP. TÂN MAI	31/5/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
97	Nguyễn Công Huệ	3600506315	47A8051747	271812359	378, TỎ 13, KP. MIẾU	1/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
98	Bùi Xuân Thành	3600614871	47H8001391	270949384	390, TỎ 9, PK HƯƠNG PHƯỚC	11/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
99	Phan Hữu Tào	3602370821	17A8037508	272101681	77, TỎ 7A, KP HƯƠNG PHƯỚC	11/5/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
100	Lê Quang Hiền	3602408708	47A8032796	271429551	TỎ 7, TÂN MAI 2	15/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
101	Nguyễn Ngọc Mỹ	3602696245	708037439	270990129	1370 TỎ 10, KP. TÂN MAI	15/5/2021 - 30/8/2021	3.000.000		
102	Lê Quốc Anh	3602200435	47A8028547	270990469	83B, TỎ 6, KP. TÂN CANG	09/7/2021 - 30/8/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/ CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
103	Ngô Văn Phương	8246373366	47A8045986	272317480	Tổ 12, KP Hương Phước	09/7/2021 - 30/8/2021	3.000.000		
104	Lê Thị Thủy	3603463973	47A8053749	271348498	Tổ 13, KP Hương Phước	09/7/2021 - 30/8/2021	3.000.000		
105	Nguyễn Tuấn Long	3602484378	47A8030579	271241549	Tổ 25, KP Hương Phước	09/7/2021 - 30/8/2021	3.000.000		
106	Nguyễn Cao Thế	3603496418	47A8055899	272768198	305/1/58, tổ 12, KP Tân Cang	09/7/2021 - 30/8/2021	3.000.000		
107	Tăng Thị Dung	8113832853	47A8063075	271855058	Tổ 30, KP Vườn Dừa	09/7/2021 - 30/8/2021	3.000.000		
108	Hoàng Xuân Thù	8106423930	47A8052098	272370003	Tổ 22, KP Vườn Dừa	09/7/2021 - 30/8/2021	3.000.000		
109	Phan Thị Thu	3603478659	47A8054745	271478519	Tổ 19, KP Vườn Dừa	09/7/2021 - 30/8/2021	3.000.000		
110	Triệu Việt Quảng	3603062026	47A8036706	272027879	Tổ 17, KP Vườn Dừa	10/7/2021 - nay	3.000.000		
111	Lê Thị Quyên	8553835679	47A8062913	272646019	Tổ 21, KP Tân Lập	10/7/2021 - nay	3.000.000		
112	Vũ Thị Nga	8034826014	47A8057451	271439922	95/7, Tổ 12, KP Vườn Dừa	10/7/2021 - nay	3.000.000		
113	Lê Thị Kim Phượng	3600499900	47A8028727	271809595	4, KP Tân Mai	10/7/2021 - nay	3.000.000		
5. Phường Hòa An									
114	Huỳnh Thị Nhị	3600287550	47A8001300	270127369	18/37, Tổ 19, Kp. An Hòa	11/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
115	Lê Khắc Uyên	3600880658	47A8018817	271629928	Chợ Hoà An	9/7/2021 - 14/9/2021	3.000.000		
116	Nguyễn Việt Minh	8347284472	47A8064037	125208372	36/1A, Tổ 10B, Kp. Đồng Nai	12/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
117	Nguyễn Sỹ Úy	3600993806	47A8042739	272312420	Chợ Hoà An	10/7/2021 - 14/9/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/ CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
118	Nguyễn Thị Chiên	8007082990	47A8042732	172264335	Chợ Hoà An	8/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
119	Trương Thị Mỹ An	3603672102	47A8046919	272648136	2338, Nguyễn Ái Quốc, Tổ 20, Cầu Hàng	10/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
120	Nguyễn Thị Thủy Hằng	8068495547	47A8054169	271752754	G16 Chợ Hoà An	9/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
121	Lê Văn Sang (Hậu Sang)	3603452481	47A8052948	272533940	Tổ 14B, K.p. Bình Hoà	01/5/2021 - 13/9/2021	3.000.000		
	6. Phường Tam Hiệp								
122	Vũ Đình Bằng	3600671284	47A8007183	271117263	27/3 KP8 P. Tam Hiệp	1/5/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
123	Trương Thị Huyền Tâm	3601404796	47A8024083	271408976	265 KP6 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
124	Nguyễn Toàn Phương	3600579881	4707003134	270729566	273 KP6 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
125	Hồ Thị Thanh Trang	4200557839	47A8063438	225294111	277-279 KP6 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
126	Nguyễn Thụy Cẩm Tú	3603550672	47A8058356	272926705	55/4 KP6 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
127	Lê Minh Kinh	8078178113	47A8056103	271586675	38/17 KP6 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
128	Nguyễn Chi Lộc	3603676019	47A8064870	272311253	91 KP6 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
129	Nguyễn Thị Xuân Lan	3600620787	47A8019566	031174009615	3/1 KP6 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
130	Hoàng Tiến Dũng	3601001733	47A8038951	035075004206	19/12 KP6 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
131	Trần Văn Bé	3600355546	47A8000112	270661140	364/35 KP2 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
132	Nguyễn Văn Hợp	3603065637	47A8038531	172637067	4/10 KP6 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 30/9/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/ CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
133	Nguyễn Hữu Tiến	3600975518	47A8015027	270831894	2B KP6 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
134	Nguyễn Văn Hải	3600904274	47A8019559	270694508	KP6 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
135	Nguyễn Văn Phi	8389138219	47A8051712	271356884	351/80/14 KP2 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
136	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	3602678888	47A8027860	271989396	A03 KP6 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
137	Trần Đình Đoàn	3603565100	47A8058931	035068002083	4/4 KP6 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
138	Phan Thị Ngọc Thơ	3603359309	47A8048597	272189530	8/2 KP6 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
139	Nguyễn Thị Bé Hai	8444936885	47A8057952	272140275	714 KP7 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
140	Đặng Thị Ngát	3600661310	47A8006320	270123403	756/5 KP4 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
141	Nguyễn Ngọc Hoàng Oanh	3603425167	47A8051751	272539958	111/1 KP3 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
142	Nguyễn Thị Huỳnh Nhung	3602645709	47A8033109	271705544	44/22 KP1 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
143	Nguyễn Thị Minh Huệ	3600471334	47A8018889	075173001052	1/3B KP6 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
144	Đỗ Thị Tư	3602184328	47A8025684	272119281	95/5A KP7 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
145	Tạ Ngọc Bình	3600889499	47A8009862	270860738	46/22 KP1 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
146	Phạm Thị Thơm	8353202911	47A8063666	272661112	31/20 KP9 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
147	Trần Thừa	3602500654	47A8030849	276022224	557 KP2 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
148	Tổng Thị Minh	8095342490	47A8055006	163154373	140/6 KP5 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 30/9/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/ CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
149	Nguyễn Thị Hồng Phương	3603673836	47A8064580	271266200	16/1 KP6 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
150	Nguyễn Thị Hồng Nga	3602645674	47A8031190	271073987	265/2A KP4 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
151	Nguyễn Thị Hòa	3602495362	47A8051277	025387198	178/2-179 KP4 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
152	Nguyễn Quang Thuận	3603278177	47A8045364	272718655	273/2 KP4 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
153	Nguyễn Thị Phương Linh	3602971452	47A8050568	240913795	B15/4 KP5 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
154	Vũ Thị Minh	3600357060	47A8004444	270088619	162/2-163/2 KP4 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
155	Nguyễn Thị Lê Thanh	3600844709	47A8062480	271860137	B23 KP5 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
156	Phạm Thị Đình	8095101223	47A8065091	271754716	600/30 KP8 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
157	Lê Mạnh Cường	3603057273	47A8038102	272365143	Tổ 2 KP6 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
158	Hoàng Thị Thu Hiền	0308954111	47A8053066	024744015	371 KP4 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
159	Lã Thị Thảo	3603177475	47A8053209	272436218	119/1 KP3 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
160	Nguyễn Thị Mỹ Kim	8035868306	47A8046837	271552521	312 KP4 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
161	Dương Nguyễn Trần Thế Thái Dương	8288352872	47A8065071	271471597	55/6 KP6 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
162	Nguyễn Đức Duy	8437849180	47A060142	271891958	124/6B KP5 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
163	Luyện Thị Yên	3600541165	47A8027485	270010338	B2,B3 KP6 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
164	Nguyễn Thị Ngọc Mai	3603458973	47A8053454	271448920	203/17,KP9 P. Tam Hiệp	1/7/2021 - 30/9/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/ CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
	7. Phường Hồ Nai								
165	Nguyễn Thị Kim Hương	3600441058	47A8006460	271401804	51/81 kp12	01/9/2021-nay	3.000.000		
166	Trần Thị Hồng Diệp	3600708618	47A8008865	270385930	28/39 kp8	09/7/2021-nay	3.000.000		
167	Đào Thị Thanh Vân	3603476919	47A8054604	271914040	24C/50 kp7	1/9/2021-nay	3.000.000		
168	Phạm Văn tỵ	3600311852	47A8002705	270703017	6/61 kp10	09/7/2021-nay	3.000.000		
169	Phan Thị Thủy An	8095368241	47A8069172	272049669	26/87 kp12	10/7/2021-nay	3.000.000		
170	Nguyễn Quốc Thanh Danh	0305638340	47A8050170	271531479	1/49 kp7	10/7/2021-nay	3.000.000		
	8. Phường Tân Tiến								
171	Ng: Thị Thanh Thúy	8013144162	47A8055874	271425371	235/30A.kp2	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
172	Nguyễn Hà Nhã Uyên	3603754700	47A8069222	241492772	19, PVT, kp3	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
173	Vòng Ngọc Anh	8079416829	47A8057713	271631063	117, PVT, kp1	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
174	Nguyễn T. Ngọc Hà	3603558939	47A8058707	272939711	215B.kp2	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
175	Hồ Hoàng Lân	3603229564	47A8060543	272576086	110.kp3	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
176	Lê Phước Tân	8352866229	47A8058018	272170350	169, PVT, kp1	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
177	Cao Trọng Thịnh	3603588549	47A8060178	272436060	144 Ng Ái Quốc	9/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
178	Nguyễn Hồng Sơn	3602814523	47A8049973	271272522	Tổ 4, kp7	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/ CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
179	Võ T Tuyết Hồng	8029657635	47A8030163	272349656	235/1 KP2	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
180	Lê Thị Phương Thảo	8324126656	47A8064019	272036004	270, NAQ, kp4	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
181	Ngô Thị Hiền	8013166053	47A8051597	272889847	194/6,kp3	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
182	Châu Nhuận Phát	8441935717	47A8069581	272455502	7C, DTG, kp2	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
183	Ngô Anh Tuấn	3603752051	47A8069081	272662276	35, DTG, kp2	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
184	Nguyễn Hồng Quân	8382366093	47A8063313	272561482	228, Phan Trung, KP2	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
185	Lê Thị Mỹ Hương	3601318113	47A8057775	272112549	243b, Phan trung, kp7	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
186	Trần Hoàng Giang	8443733628	47A8071604	331496110	265/5, kp7	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
187	Lý Phước Tới	8071637706	47A8041389	334195101	221,kp2	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
188	Nguyễn Thị Tươi	3603338482	47A8048234	272449876	225B,kp2	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
189	Nguyễn Thị Hương Nho	3603777602	47A8026990	272568798	16C1, Đồng Khởi kp6	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
190	Nguyễn Hoàng Thảo Ly	3603728267	47A8067590	272409673	96B, Phan Trung, kp7	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
191	Tổng Thị Châu Loan	0311813618	47A8063658	270409994	198,Phan Trung,kp7	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
192	Huỳnh Ngọc Huỳnh	8126142938	47A8052566	245155721	Tổ 4,kp2	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
193	Nguyễn Mạnh Duy	8063392883	47A8042292	271521654	282B,kp5(1501)	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
194	Nguyễn Văn Cầu	3600529880	47A8037163	271452521	382/B KP5	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/ CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
195	Nguyễn Thị Ngọc Hà	3603406453	47A8050721	272662514	250/6, kp7	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
196	Trịnh Xuân Hùng	8126100416	47A8044544	240987266	109, kp1	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
197	Bùi Văn Dũng	8088695110	47A8070857	271930241	222, Phan Trung, tổ 1, kp2	9/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
198	Nguyễn Văn Hùng	3600840422	47A8066541	272970897	kp2	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
199	Châu Thị Thủy Tiên	8509825840	47A8071448	272169444	22, NAQ, kp6	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
	9. Phường Thống Nhất								
200	Tạ Quốc Nam	3603638158	47A8062496	321446439	D4, kp6	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
201	Nguyễn Thành Lữ	3601859923	47A8055626	271167189	8/10, kp6	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
202	Nguyễn Văn Trung	3603581783	47A8059706	271464257	57, kp2	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
203	Thượng Thị Kim Dung	8431175538	47A8056827	272548607	288A, kp2	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
204	Nguyễn Thị Hoàng Anh	8073556932	47A8065270	271788111	52, kp4	1/8/2021- 15/9/2021	3.000.000		
205	Nguyễn Thị Thủy Nguyễn	8404503451	47A8054230	272599021	34/3, kp4	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
206	Ngô Quang Thanh	8402732978	47A8067177	271635949	N5, kp6	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
207	Phùng Thị Linh	8517784644	47A8060150	281150131	8/1E, kp6	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
208	Lương Thị Ngọc Mai	3601666738	47A8065413	271434681	T6, kp5	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
209	Nguyễn Trung Quân	3603767675	47A8070002	001084006394	An 9 LK 3-4, kp7	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/ CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
210	NGUYỄN CAO HỒNG KIỀU	3603308248	47A8047147	271960925	E75, kp7	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
211	Nguyễn Thị Lệ Nga	8110036740	47A8050527	270093750	41, kp6	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
212	Hoàng Thị Thanh Nga	3600892660	47A8010468	271849220	112/559 QL 15, kp2	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
213	Tổng Phước Hoàng	3601240354	47A8035770	075076001247	DN3-43 TĐC, kp7	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
214	Lê Ngọc Toàn	3603669660	47A8064460	365873176	252, kp2	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
215	Phùng Thị Thu Trang	3600833425	47A8043233	271384669	R332-333, kp7	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
216	Trần Nghĩa Hoa Trần	8161210891	47A8057305	075190003059	1253 TỎ 3, kp2	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
217	Lê Thị Ngọc Tú	8525407897	47A8064631	272143744	1589, kp3	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
218	Đỗ Thị Minh Loan	3603145586	47A8040502	270007213	260/2C, kp2	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
219	Vũ Ngọc Dân	8312237947	47A8035789	272544313	274/6, kp4	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
220	Đào Minh Hùng	3602116423	47A8026603	270720269	R15, kp7	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
221	Trần Hữu Nhật Kha	3602016299	47A8045352	271474398	31/3/5, kp4	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
10. Phường Quang Vinh									
222	Phạm Thị Thu Hồng	8320763541	47A8054726	272498686	H8 PDP KP1	01/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
223	Trần Kim Phụng	3602484466	47A8008345	271298676	12 PCT KP1	01/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
224	Trần Văn Lê Liêm	3600314042	47A8041134	271919782	133 PCT KP1	01/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/ CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
225	Huỳnh Thị Bạch Loan	3600653687	47A8069968	271282897	133 PCT KP1	01/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
226	Trương Thị Thu Liễu	3600318791	4707004023	270117343	A2 PDP KP1	01/7/2021 - 17/8/2021	3.000.000		
227	Nguyễn Thị Hệ	3603608650	47A8061184	272815559	C18 KP1	01/5/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
228	Vũ Xuân Duyệt	8270215307	47A8049229	230139141	D3 KP1	01/8/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
229	Lâm Văn Tháo	3600539818	47A8032227	271145048	E18 KP1	01/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
230	Mai Thị Yên Hà	8025116314	47A8057787	271234120	E19 Kp1	01/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
231	Nguyễn Văn Hiệp	3600485746	4707002572	270694655	62/26 Kp1	01/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
232	Nguyễn Thị Hời	3600494797	47A8024089	270507606	183 PDP KP2	01/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
233	Nguyễn Huy Tùng	8427340877	47A8061654	272770490	114 PDP KP2	01/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
234	Hà Cẩm Tiên	3603618962	47A8061465	079068007450	223/134 Kp2	01/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
235	Nguyễn Thị Kim Phương	3603719865	47A8066964	075178001570	113 PDP KP2	01/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
236	Đặng Ngọc Anh	3603628216	47A8061917	310821755	70A CMT8 KP3	01/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
237	Nguyễn Thị Tuyết	3600342995	47A8003525	270084454	93 Hồ Văn Đại KP3	01/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
238	Hứa Liên Thành	3600342339	4707001530	270727292	24/3A Kp3	01/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
239	Nguyễn Hữu Hào	3600941597	47A8008702	271671834	39 Hồ Văn Đại	01/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
240	Phạm Ngọc Thành	8037375899	47A8064046	271946895	138 KP3	01/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		



STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/ CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
241	Dương Tuyết Hồng	3601047590	47A8053046	271946884	85 HVL KP3	01/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
242	Nguyễn Thị Lệ Hoa	8331028120	47A8070493	280907021	CCA1 KP3	01/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
243	Trần Hoàng Phi Nhật	3600342593	47A8005759	270070858	118 CMT8 KP3	01/7/2021 - 17/9/2021	3.000.000		
244	Phạm Đức Tuấn	8165867712	47A8070308	272087812	59 Hồ Văn Đại KP3	01/8/2021 - 17/9/2021	3.000.000		
245	Đinh Thị Hương	3600536214	47A8034501	272533321	CCAS KP4	1/6/2021- 17/9/2021	3.000.000		
246	Trần Minh	3601686741	47A8004285	270721716	62/3 KP3	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
247	Phan Thị Thanh Tuyền	8009944991	47A8056870	271643604	115 PDP KP2	1/5/2021- 31/8/2021	3.000.000		
248	Nguyễn Thị Hoài Châu	8379664445	47A8069656	075194001527	388/72 KP3	1/5/2021- 31/8/2021	3.000.000		
249	Liêu Ngọc Anh Thư	3600864007	47A8049325	271645546	62/1E KP3	1/5/2021- 31/8/2021	3.000.000		
250	Đinh Hùng Cường	3600311387	47A8002519	075070001430	số 5 PDP KP1	1/7/2021- 16/9/2021	3.000.000		
251	Hồng Đức Thuận	3600591776	47A8001566	270057773	97 PCT KP1	1/8/2021- 17/9/2021	3.000.000		
252	Phùng Văn Thịnh	3603500590	47A8056177	272884364	Tổ 12 KP1	1/6/2021- 15/9/2021	3.000.000		
253	Lê Nhân Đức	3603686793	47A8062992	271234745	8/13A Nguyễn Đu KP4	1/6/2021- 31/8/2021	3.000.000		
254	Đỗ Thị Long	8547099117	47A8069007	270721528	40/28 KP4	1/6/2021- 31/8/2021	3.000.000		
255	Nguyễn Tuyết Hà My	3600959957	47A8018378	271981597	67-69 KP2	1/8/2021- 15/9/2021	3.000.000		
256	Đào Ngọc Tuấn	8084431195	47A8056350	168273673	29/3 KP4	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/ CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
257	Dương Mỹ Phương	3603079622	47A8035269	271233894	15/1C KP3	1/8/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
258	Trần Minh	3601027788	47A8049033	075071007006	39 Tổ 1 Kp4	1/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
	II. Phường Tân Biên								
259	Trần Vĩnh Phước	8436495299	47A8058256	272309713	161/5, kp5B	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
260	Đào Văn Thọ	3600807055	47A8013644	271323445	115B, kp2	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
261	Phạm Thị Mai Chính	3600851720	47A8027614	270730863	112A/7, kp5A	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
262	Phạm Thị Tâm	3603446181	47A8052587	270746071	34/1, kp3	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
263	Phạm Thị Tuyết	3602442642	47A8017525	270391997	124/7, kp5B	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
264	Vũ Thị Mỹ phương	3600338879	47A8001024	270746113	Chợ Sắt	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
265	Nguyễn khoa	3600900022	47A8019578	271881101	83/7, kp5B	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
266	Phạm Thị Ngọc Thanh	3600330238	4707003737	270391114	chợ sắt	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
267	Nguyễn Hoàng đức	3603055050	47A8037965	271498269	290/3, kp4	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
268	Hoàng Văn Hải	3600485898	47A8003797	270394456	70/7, kp5A	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
269	Hoàng Bảo trung	8363186112	47A8054363	271961130	289/3, kp4	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
270	Đào Thị Lệ Huyền	8111796511	47A8063002	271961071	46/3, kp4	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
271	Đào Thị Hồng	3600343815	47A8042064	270794633	302b/3, kp4	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/ CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
272	Phạm Thị Tú	3600907589	47A8056293	270391313	chợ sắt	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
273	Chu Thị Bích Lan	8283424971	47A8056052	270751496	chợ sắt	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
274	Vũ Văn Hồng	3600310898	47A8000463	270429006	32/4, kp6	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
275	Nguyễn Chí Cường	3603507483	47A8056659	271844733	kp5A	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
276	Hồ Quang Đồng	3602036168	47A8038607	270777167	5/2A, kp8A	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
277	Nguyễn Thị Thủy Hoa	3600647588	47A8042415	52170000260	608, kp10	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
278	hoàng Nghĩa Đài	3600293473	47A8039756	270930531	608, kp10	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
279	Lai Thế An	3603169410	47A8043703	272648809	574, kp10	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
280	Phạm Thị Thơ	3600343325	4707003108	270387128	Chợ Sắt(kp2)	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
281	Phạm Thị Thắng	3600330686	47A8006920	270391202	Chợ Sắt(kp2)	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
282	Nguyễn Thị phúc	3600627302	47A8004121	271067471	Chợ Sắt(kp2)	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
283	Chu Văn Lương	3600326129	47A8001071	270391576	145/5, kp2	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
284	Vũ ngọc thu	3602504521	47A8027474	271323718	127/5, kp2	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
285	Vũ Văn Thiện	3601111609	47A8042986	271231452	30/5, kp1	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
286	Nguyễn Anh Tài	3602993833	47A8054437	272201377	403/8, kp5B	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
287	Hà duy Phương	8031765885	47A8046304	272309837	61/7/5, kp6	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/ CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
288	Nguyễn Quốc Vinh	3603471082	47A8054113	271521368	368/8, kp5A	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
289	bùi Thành Hưng	3603301098	47A8054155	271965158	Chợ sắt(76/2,kp8A)	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
290	Nguyễn Thị Mai	3603052973	47A8037121	33176000879	210/8, kp5B	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
291	Nguyễn thị xuyến	3600525357	47A8059424	270403666	Chợ Tân Biên	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
292	Lê Thị Kim Hạnh	8601251588	47A8063918	271059088	303/3, kp4	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
293	Nguyễn Thị Thín	3603790000	47A8070987	270533246	419, kp9	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
294	ngô Thị Thủy Lan	3602730249	47A8057603	271117662	85/5, kp9	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
295	Dương Thị Út	8266366335	47A8061981	025249649	85A/5, kp9	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
296	ngô Đình Sơn	3600310009	47A8006189	270662689	86/5A, kp9	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
297	Đỗ Hoàng Tùng	3603209511	47A8056853	270794137	79/5, kp9	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
298	Nguyễn Thị Yến	3600907758	47A8006041	270388526	Chợ Sắt	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
299	Đỗ Thanh Bình	3603185740	47A8039800	271497833	294B/5, kp9	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
300	Nguyễn Thị phương	3600502776	47A8005380	270044931	73/5, kp9	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
301	Phạm Thị Bạch Yến	3600343702	4707003103	270914638	Chợ Sắt (kp9)	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
302	vũ đình An	3603189865	47A8072454	271263287	82/5, kp9	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
303	Bùi Kim hoa	3600502751	47A8003533	270388229	72B/5, kp9	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/ CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
304	Vũ Thị Kim Yến	3601280364	47A8058212	271498364	481, kp9	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
305	Phạm Thị phong	8219737166	47A8067763	270401315	Chợ Sắt (kp6)	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
306	Phạm Thị Cảnh	3603490504	4707003106	270101179	Chợ Sắt (kp6)	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
307	Lê ngọc Thận	3600322572	47A8006962	271420228	25B/1, kp8A	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
308	vũ Thị Thu Trang	3603305511	47A8046936	272036895	32/8, kp8A	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
309	nguyễn đức thịnh	8507708965	47A8064644	271498619	38A/1, kp7	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
310	Phạm Thị Hải	3600338759	4707003749	270405420	Chợ Sắt (kp4)	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
311	nguyễn Thị Tú	3600335388	4707003748	270402014	Chợ Sắt (kp4)	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
312	bùi Thanh Tân	8406519584	47A8053902	270805366	222/6, kp6	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
	12. Phường Tân Hiệp								
313	Lê Thanh Hồng Nhom	3600959114	47A8050537	271298925	C224 KP 5	9/7/2021 - 16/9/2021	3.000.000		
314	Trịnh Đình Kiên	8441577074	47A8066147	174796939	B1A ĐK KP 4	9/7/2021 - 16/9/2021	3.000.000		
315	Nguyễn Thế Sự	3601640440	47A8037766	271160179	B143 TÒ 18 KP 5	9/7/2021 - 16/9/2021	3.000.000		
316	Đỗ Ngọc Bảo Trang	8501203580	47A8062132	272479214	Y 4 ĐK KP 4	9/7/2021 - 16/9/2021	3.000.000		
317	Đỗ Thị Hương	8016770672	47A8059293	036188012775	13 TÒ 5 KP 2	9/7/2021 - 16/9/2021	3.000.000		
318	Hà Mạnh Hùng	3602556470	47A8030059	272718949	14 TÒ 5 KP 2	9/7/2021 - 16/9/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/ CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
319	Đỗ Xuân Trường	3603126449	47A8043193	163195058	TỔ 5 KP 2	9/7/2021 - 16/9/2021	3.000.000		
320	Nguyễn Trọng Khánh	8080580044	47A8045287	272078797	TỔ 13 KP 5	9/7/2021 - 16/9/2021	3.000.000		
321	Trần Thị Thu Hà	8014367644	47A8041251	271752984	DIC KP 4	9/7/2021 - 16/9/2021	3.000.000		
322	Trần Nhân Duyên	8340643838	47A8067456	272079749	C11, TỔ 16, KP 5	9/7/2021 - 16/9/2021	3.000.000		
323	Phan Thị Vân Anh	8351942163	47A8044436	272681993	F18B KP 5	9/7/2021 - 16/9/2021	3.000.000		
324	Nguyễn Tấn Lộc	3600925450	47A8070496	271369193	TỔ 14 KP 5	9/7/2021 - 16/9/2021	3.000.000		
325	Lê Trọng Quý	3600686019	47A8017043	271537527	544, TỔ 17 KP2	9/7/2021 - 16/9/2021	3.000.000		
326	Âu Ngọc Hưng	8122156785	47A8070619	271719449	468/61, TỔ 1, KP3	9/7/2021 - 16/9/2021	3.000.000		
327	Nguyễn Thị Mai	3600851791	47A8017245	270143642	C9, TỔ 3, KP4	9/7/2021 - 16/9/2021	3.000.000		
328	Nguyễn Thị Huệ	3602897022	47A8034219	271306160	240/2, TỔ 1, KP 1	9/7/2021 - 16/9/2021	3.000.000		
329	Lại Ngọc Lâm	3601662229	47A8056909	272178460	A7, TỔ 1, KP2	9/7/2021 - 16/9/2022	3.000.000		
330	Hồ Ngọc Huy	3602900500	47A8031089	271234021	42/18C, TỔ 18, KP1	9/7/2021 - 16/9/2021	3.000.000		
	13. Phường Tân Phong								
331	Hoàng Văn Dũng	3603735063	47A8068038	31085000477	M4/101-Kp6-P.Tân Phong	09/07/2021- 29/08/2021	3.000.000		
332	Ngô Xuân Đức Hiền	3603748062	47A8068802	272940179	2/117,Naq-Kp7-P.Tân Phong	01/08/2021- 26/08/2021	3.000.000		
333	Nguyễn Chí Công	8080264112	47A8051827	271711716	93/73a,Đk-Kp8-P.Tân Phong	01/07/2021- 25/08/2021	3.000.000		



STT	Tên Hệ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/ CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
334	Ngô Ngân Hà	8335766908	47A8060697	272268999	81, Næg-Kp8-P. Tân Phong	08/07/2021- 24/08/2021	3.000.000		
335	Nguyễn Thị Phương Tâm	3600333616	4707001521	270805420	93/81/2, Đk-Kp8-P. Tân Phong	09/07/2021- 22/08/2021	3.000.000		
336	Nguyễn Đức Hậu	3603635118	47A8062343	272122732	1/1, Kp8-P. Tân Phong	09/07/2021- 27/08/2021	3.000.000		
337	Võ Quốc Hoàng	3602250059	47A8027607	272719863	93/31, Kp8-P. Tân Phong	10/07/2021- 22/08/2021	3.000.000		
338	Trần Văn Hệ	8241967648	47A8048175	272067040	118/9/1-Kp9-P. Tân Phong	10/07/2021- 29/08/2021	3.000.000		
339	Phạm Văn Thứ	8550222258	47A8065742	272600906	78, Tở 39c-Kp11-P. Tân Phong	09/07/2021- 29/08/2021	3.000.000		
340	Dương Đức Hùng	3602495891	47A8030445	270249330	Kios 05, 18-P. Tân Phong	10/07/2021- 29/08/2021	3.000.000		
341	Phạm Thị Thu	8328443215	47A8066773	270643245	M2/8, Kp5-P. Tân Phong	10/07/2021- 29/08/2021	3.000.000		
342	Lòng Mỹ Lệnh	3600699184	47A8007171	270993459	63, Kp2-P. Tân Phong	10/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		
343	Phạm Chu Long Giang	3600867738	47A8018526	270134996	91a-Kp2-P. Tân Phong	09/07/2021- 30/08/2021	3.000.000		
344	Vũ Trung Tín	3600618403	47A8004303	270710434	97, Næg-Kp2-P. Tân Phong	01/08/2021- 28/08/2021	3.000.000		
345	Nguyễn Thị Hồng Tho	8022503308	47A8066117	250589836	217/21a/17a-Kp11a- P. Tân Phong	09/07/2021- 30/08/2021	3.000.000		
346	Nguyễn Hữu Thông	3602379302	47A8029324	270727012	M3/35-Kp6-P. Tân Phong	10/07/2021- 28/08/2021	3.000.000		
347	Ngô Văn Bó	3600337748	47A801388	270101135	M3/29, Kp6-P. Tân Phong	12/05/2021- 28/08/2021	3.000.000		
348	Vũ Văn Vương	3603669558	47A8064432	034089001301	2/125a-Kp5-P. Tân Phong	12/05/2021- 28/08/2021	3.000.000		
349	Đặng Nhật Tân	8371112844	47A8063460	272697464	M49, Kp7-P. Tân Phong	12/05/2021- 28/08/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/ CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
350	Hoàng Bình Từ	8366991170	47A8063747	038094016801	843,Đk-Kp9-P.Tân Phong	20/07/2021- 25/08/2021	3.000.000		
351	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	3603382435	47A8049634	271376423	M1/1/9,Kp5-P.Tân Phong	01/08/2021- 25/08/2021	3.000.000		
352	Phạm Thị Bích Liên	3600306468	47A8006604	270993339	Sạp 50-78-79-P.Tân Phong	10/07/2021- 23/08/2021	3.000.000		
353	Vũ Văn Ngừ	3600885448	47A8009906	270839615	86c-Kp9-P.Tân Phong	10/07/2021- 28/08/2021	3.000.000		
354	Sỹ Tùng Hoàn	8081011869	47A8065540	271424657	83/2,Nvt-Kp9-P.Tân Phong	20/05/2021- 04/09/2021	3.000.000		
355	Lê Thị Loan	3603303867	47A8046878	271862626	42/3/8a-Kp9-P.Tân Phong	11/07/2021- 30/08/2021	3.000.000		
356	Vũ Đình Nhuận	3603495809	47A8055848	272584755	158-Kp9-P.Tân Phong	12/05/2021- 27/08/2021	3.000.000		
357	Phạm Doãn Hưng	3603376463	47A8049459	12005942	82,Nvt-Kp9-P.Tân Phong	10/07/2021- 30/08/2021	3.000.000		
358	Hồ Thị Duyên	3600503642	47A8021654	270742737	83-Kp9-P.Tân Phong	10/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		
359	Nguyễn Thị Đông	8343206995	47A8061945	272536931	7/8 Tổ 35-Kp9-P.Tân Phong	10/07/2021- 23/08/2021	3.000.000		
360	Hoàng Thị Hà	8094786119	47A8071949	272229761	7/4 Tổ 35-Kp9-P.Tân Phong	09/07/2021- 30/08/2021	3.000.000		
361	Trịnh Ngọc Quỳnh	8093937781	47A8063154	271711661	869 Tổ 40-Kp9-P.Tân Phong	09/07/2021- 28/08/2021	3.000.000		
362	Nguyễn Thị Tuyết	3600333750	4707002322	270089010	M1/1-Kp5-P.Tân Phong	01/07/2021- 25/08/2021	3.000.000		
363	Nguyễn Văn Hùng	3603535515	47A8057773	272959606	70,Nvt-Kp9-P.Tân Phong	10/07/2021- 23/08/2021	3.000.000		
364	Vũ Thị Hoa	8299870851	47A8043678	271656196	42/3/17,Tổ 46-Kp9- P.Tân Phong	01/08/2021- 28/08/2021	3.000.000		
365	Ngô Thị Thu Hà	3600638375	47A8020500	271157127	91/33,Kp3-P.Tân Phong	10/07/2021- 30/08/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/ CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
366	Vũ Thị Thảo	3602390810	47A8029049	270727011	M3/30-Kp6-P.Tân Phong	10/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		
367	Trần Văn Hùng	8241975536	47A8049886	271537285	103,NvL,Tổ 44-Kp9- P.Tân Phong	09/07/2021- 30/08/2021	3.000.000		
368	Lê Công Hải	3603692959	47A8065680	186593274	170/20/39c,Tổ 50a-Kp9- P.Tân Phong	09/07/2021- 28/08/2021	3.000.000		
369	Phạm Thanh Tiên	3603591686	47A8060308	272487989	13c,Kp7-P.Tân Phong	01/08/2021- 15/09/2021	3.000.000		
370	Nguyễn Thị Tuyết Anh	3603695773	47A8065783	270967166	Sáp 54-P.Tân Phong	09/07/2021- 30/08/2021	3.000.000		
371	Lý Thị Việt Duyên	8241817240	47A8055407	271103156	Sáp 97-98-P.Tân Phong	12/05/2021- 28/08/2021	3.000.000		
372	Hùng Đồng Chánh	3600302294	47A8006643	270663254	91/4,Kp3-P.Tân Phong	09/07/2021- 29/08/2021	3.000.000		
373	Nguyễn Thị Như Mai	3600942375	47A8002988	270134470	Kios 01,02-P.Tân Phong	09/07/2021- 27/08/2021	3.000.000		
374	Nguyễn Duy Khánh	8403140999	47A8070433	271827634	5,Kios 10,Naq-Kp2- P.Tân Phong	01/08/2021- 22/08/2021	3.000.000		
375	Tsân Ôi Dênh	3600942470	47A8005257	270934133	Chợ Tân Phong	09/07/2021- 28/08/2021	3.000.000		
376	Nguyễn Thị Kiều Trinh	3600462097	47A8006606	075170001673	Chợ Tân Phong	09/07/2021- 14/09/2021	3.000.000		
377	Lê Đào Phương Thủy	3602639007	47A8032944	270781476	Chợ Tân Phong	09/07/2021- 14/09/2021	3.000.000		
378	Vũ Hoàng Huy	3602372000	47A8028440	271130344	60b1-Tổ 2-Kp10-P.Tân Phong	09/07/2021- 14/09/2021	3.000.000		
379	Trương Bích Thảo	3603084171	47A8039588	271411595	1c5,Kp10-P.Tân Phong	09/07/2021- 30/08/2021	3.000.000		
380	Nguyễn Thị Kim Hạnh	3603646504	47A8063037	330571774	1/L3,19-Kp10-P.Tân Phong	09/07/2021- 30/08/2021	3.000.000		
381	Nguyễn Khương Duy	8475695887	47A8066391	272662237	A5/1b,Kp10-P.Tân Phong	12/05/2021- 28/08/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/ CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
382	Bùi Thị Thoan	3603058132	47A8038056	019187001131	1/18,Kp10-P.Tân Phong	09/07/2021- 29/08/2021	3.000.000		
383	Đặng Thị Hồng Hạnh	8077812802	47A8047558	276012049	C4/34,Kp10-P.Tân Phong	01/07/2021- 25/08/2021	3.000.000		
384	Hoàng Xuân Tuấn	8466001973	47A8058379	272806004	C3/32-Kp10-P.Tân Phong	09/07/2021- 22/08/2021	3.000.000		
385	Tôn Khánh Lộc	8422820654	47A8060022	183796681	A3/33-Kp10-P.Tân Phong	09/07/2021- 27/08/2021	3.000.000		
386	Lê Minh Trí	3602896854	47A8066479	272501443	21.Naq-Kp1-P.Tân Phong	10/07/2021- 22/08/2021	3.000.000		
387	Vũ Cao Thủy Thủy Vy	8099752628	47A8055943	271949816	93/37b Kp8-P.Tân Phong	09/07/2021- 28/08/2021	3.000.000		
388	Lê Trọng Quê	3603457955	47A8053356	271854260	250-Tổ 47-Kp11-P.Tân Phong	01/08/2021- 14/09/2021	3.000.000		
	14. Phường Hòa Bình (trình bổ sung)								
389	Võ Minh Vũ	3603691793	47A8055605	271408043	PCT, Sáp số 2, chợ Biên Hòa	13/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
	15. Phường Long Bình								
390	Bùi Thị Thanh Yến	3603144529	47A8040523	272417387	3/1, kp 2	24/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
391	Trần Thị Thanh Vân	3602189703	47A8032680	271514920	Cty bia sài gòn, KP 2	24/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
392	Phạm Thị Huệ	3600854129	47A8017226	271645163	C 27, tổ 1, kp 3	24/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
393	Bành Tấn Bửu	3600551526	47A8000076	271921081	745, tổ 1, kp 3	24/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
394	Lê Văn Thuận	8210014839	47A8047349	272122715	102/46/11/25,kp 5	24/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
395	Nguyễn Thị Hòa	3603652586	47A8063382	272638988	E 838b, tổ 14, kp 5A	24/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		



STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/ CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
396	Nguyễn Vĩnh Phúc	8305245496	47A803815	272099036	211/333, kp 5A	24/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
397	Đinh Thị Hào	3603684443	47A8065307	272938269	846, tổ 38, kp 5A	24/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
398	Trần Thị Hải	8041745704	47A8031834	271588875	283, tổ 8, kp 6	24/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
399	Hoàng Đức Tuấn	3603083523	47A8033878	272548375	627, tổ 23, kp 6	24/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
400	Nguyễn Đình Thắng	3600944622	47A8004543	271426587	G 36, tổ 12, kp 7	24/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
401	Phạm Văn Thái	3601982081	47A8047227	151481557	1215, Bùi Văn Hòa, kp 7A	24/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
402	Nguyễn Thị Quyên	3602044962	47A8028594	271693510	G 1243, tổ 2, kp 7A	24/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
403	Phùng Trung Nam	8017841157	47A8048357	271645501	1269 Bùi Văn Hòa, kp 7	24/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
404	Trương Văn Nghi	8344704055	47A8051431	272507752	1321, tổ 2, kp 7A	24/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
405	Phạm Văn Chính	3602434521	47A8012303	272178140	G 49, tổ 2, kp 7A	24/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
406	Đinh Văn Hùng	8476962648	47A8056498	272299366	1231, Bùi Văn Hòa, kp 7A	24/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
407	Lưu Xuân Việt	8321885221	47A8039340	272619296	Tổ 27, kp 8A	24/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
408	Nguyễn Thị Thủy	8096425446	47A8059008	273341359	E274, KP5A, Long Bình	24/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
409	Nguyễn Hoài Nam	3603201600	47A8042521	272266697	76E, Tổ 3, KP5	24/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
410	Bùi Thị Loan	8246379738	47A8065742	271777441	1407, Tổ 19, KP7	24/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
411	Nguyễn Thị Thủy	3603684436	47A8065306	272797729	E846, Tổ 38, KP5A	24/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/ CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
412	Bùi Hoài Nam	8041829390	47A8052281	272011753	58, Huỳnh Dân Sanh, KP5	24/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
413	Nguyễn Sỹ Hồng	8244354181	47A8059524	008071001056	C2, tổ 17, kp 2	24/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
414	Phạm Xuân Anh	8060636877	47A8063970	162956445	289, tổ 8, kp 6	24/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
415	Vũ Văn Quang	8092662118	47A8057777	172973354	290, BVH, tổ 8, kp 6	24/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
416	Lê Văn Hạnh	8195207329	47A8048479	271751319	44/3, tổ 13, kp 6	24/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
417	Nguyễn Văn Cường	3603498912	47A8056010	272815118	E 400c, tổ 10, kp 5	24/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
418	Nguyễn Thị Thúy	3603727792	47A8067571	272623193	38/88, tổ 10, kp 5	24/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
Tổng cộng: 418 hộ kinh doanh							1.254.000.000		

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

Tổng số tiền hỗ trợ: 1.254.000.000 đồng

(Một tỷ, hai trăm năm mươi bốn triệu đồng chẵn)

KT.CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng